

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN KÝ, ĐIỂM CHỈ TRONG VĂN BẢN CÔNG CHỨNG

(Điều 48, Điều 50 Luật Công chứng năm 2024)

Lời chứng của công chứng viên là văn bản do công chứng viên ký và đóng dấu, xác nhận tính hợp pháp, tính chính xác và sự tự nguyện của các bên trong hợp đồng, giao dịch hoặc giấy tờ được công chứng. Chữ ký là việc cá nhân tự tay ghi tên (hoặc ký tắt) theo cách viết thông thường của mình vào văn bản để xác nhận nội dung. Điểm chỉ là việc cá nhân dùng ngón tay (thường là ngón trỏ) in dấu vân tay của mình lên văn bản thay cho chữ ký. Những nội dung được Luật Công chứng 2024 quy định cụ thể như sau:

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

1 Lời chứng của công chứng viên đối với giao dịch phải ghi rõ các nội dung sau đây:

- a) Thời điểm, địa điểm công chứng;
- b) Họ, tên công chứng viên, tên tổ chức hành nghề công chứng;



- c) Chứng nhận người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, mục đích, nội dung của giao dịch không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

d) Chữ ký, dấu điểm chỉ trong giao dịch đúng là chữ ký, dấu điểm chỉ của người yêu cầu công chứng, chữ ký, dấu điểm chỉ của người làm chứng, người phiên dịch trong trường hợp có người làm chứng, người phiên dịch và được ký, điểm chỉ trước sự chứng kiến của công chứng viên hoặc được ký trước đối với trường hợp đăng ký chữ ký mẫu quy định tại khoản 2 Điều 50 của Công chứng 2024;



- đ) Trách nhiệm của công chứng viên đối với giao dịch;
- e) Các thông tin về lý do công chứng ngoài trụ sở, việc làm chứng, phiên dịch trong trường hợp công chứng ngoài trụ sở hoặc việc công chứng có người làm chứng, người phiên dịch.

2 Lời chứng phải có chữ ký của công chứng viên và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng. Đối với văn bản công chứng điện tử thì lời chứng phải có chữ ký số của công chứng viên và chữ ký số của tổ chức hành nghề công chứng.

3 Công chứng viên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này để soạn thảo lời chứng phù hợp với từng giao dịch cụ thể; không được đưa vào lời chứng những nội dung nhằm trốn tránh, loại trừ trách nhiệm của mình hoặc có nội dung vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội.



KÝ, ĐIỂM CHỈ TRONG VĂN BẢN CÔNG CHỨNG

1 Người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch phải ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến trực tiếp của công chứng viên, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và trường hợp người yêu cầu công chứng không ký được và không điểm chỉ được. Việc ký văn bản công chứng điện tử thực hiện theo quy định của Chính phủ.



Việc ký văn bản công chứng trước sự chứng kiến của công chứng viên phải được chụp ảnh và lưu trữ trong hồ sơ công chứng.



2 Trong trường hợp người có thẩm quyền giao kết giao dịch của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký chữ ký mẫu tại tổ chức hành nghề công chứng thì người đó có thể ký trước vào văn bản giao dịch; công chứng viên phải đối chiếu chữ ký của họ trong văn bản giao dịch với chữ ký mẫu trước khi thực hiện việc công chứng.

Việc đăng ký chữ ký mẫu được thực hiện trực tiếp tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc bằng văn bản chính thức có chữ ký trực tiếp của người đăng ký và đóng dấu của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó.

3 Việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch không ký được. Khi điểm chỉ, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch sử dụng vân tay của ngón trỏ phải; nếu không sử dụng được vân tay của ngón trỏ phải thì sử dụng vân tay của ngón trỏ trái; trường hợp không thể sử dụng vân tay của 02 ngón trỏ đó thì sử dụng vân tay của ngón khác và công chứng viên phải ghi rõ trong lời chứng việc người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch sử dụng vân tay của ngón nào, của bàn tay nào để điểm chỉ.

4 Việc điểm chỉ có thể được thực hiện đồng thời với việc ký trong những trường hợp sau đây:

- a)** Công chứng di chúc;
- b)** Theo đề nghị của người yêu cầu công chứng;
- c)** Công chứng viên thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho người yêu cầu công chứng.

